

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 11

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 2

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số liền sau của 89 là:

- A. 100 B. 88 C. 90 D. 91

Câu 2. Cho dãy số 41 ; 36 ; 31 ; 26 ; 21 ; Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 20 B. 16 C. 15 D. 17

Câu 3. Kết quả phép tính $81 - 33 - 10$ là:

- A. 38 B. 48 C. 58 D. 28

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $6\text{dm } 3\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$ là:

- A. 36 B. 63 C. 60 D. 30

Câu 5. 22 giờ còn được gọi là:

- A. 10 giờ sáng B. 5 giờ chiều C. 9 giờ tối D. 10 giờ tối

Câu 6. Hai số có tổng bằng 50, biết số bé là 19. Số lớn là:

- A. 50 B. 19 C. 21 D. 31

Câu 7. Tham dự lễ phát động “Tết nhân ái”, lớp 2A ủng hộ 27 chiếc bánh chưng, lớp 2B ủng hộ 35 chiếc bánh chưng. Hỏi cả hai lớp ủng hộ tất cả bao nhiêu chiếc bánh chưng?

- A. 62 chiếc B. 52 chiếc C. 8 chiếc D. 53 chiếc

Câu 8. Cô giáo chuẩn bị 7 chục món quà cho học sinh. Đến tiết sinh hoạt lớp cô phát quà cho cả lớp, mỗi bạn một món quà. Biết sĩ số lớp học là 45 bạn. Hỏi cô giáo còn lại bao nhiêu món quà?

- A. 70 món quà B. 45 món quà C. 25 món quà D. 35 món quà

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$12 + 48$	$70 - 24$	$53 + 15$	$74 - 40$
.....
.....
.....

Câu 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$42 - 13 \dots\dots 30$	$54 - 17 \dots\dots 56 - 18$
$70 - 25 \dots\dots 45$	$18 + 12 \dots\dots 40$

Câu 3. Một đội đồng diễn thể dục thể thao gồm 57 người mặc áo đỏ và 2 chục người mặc áo vàng.

Hỏi số người mặc áo đỏ hơn số người mặc áo vàng bao nhiêu người?

.....

.....

.....

Câu 4. Số thích hợp điền vào dấu ? là:

$$\text{🐱} + \text{🐱} = 10$$

$$\text{🦉} + \text{🐱} = 9$$

$$\text{🦉} + \text{🦆} = 6$$

$$\text{🦆} + \text{🐱} = ?$$

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số liền sau của 89 là:

- A. 100 B. 88 C. 90 D. 91

Phương pháp

Số liền sau của một số thì lớn hơn số đó 1 đơn vị

Lời giải

Số liền sau của 89 là 90.

Chọn C

Câu 2. Cho dãy số 41 ; 36 ; 31 ; 26 ; 21 ; Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 20 B. 16 C. 15 D. 17

Phương pháp

Tìm quy luật của dãy số rồi điền số còn thiếu

Lời giải

Dãy số đã cho gồm các số giảm dần 5 đơn vị.

Vậy số cần điền vào chỗ chấm là $21 - 5 = 16$

Chọn B

Câu 3. Kết quả phép tính $81 - 33 - 10$ là:

- A. 38 B. 48 C. 58 D. 28

Phương pháp

Thực hiện phép tính từ trái sang phải

Lời giải

$$81 - 33 - 10 = 48 - 10 = 38$$

Chọn A

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $6\text{dm } 3\text{cm} = \dots\dots\dots \text{cm}$ là:

- A. 36 B. 63 C. 60 D. 30

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{ dm} = 10\text{ cm}$

Lời giải

Ta có: $6\text{dm } 3\text{cm} = 63\text{ cm}$

Chọn B

Câu 5. 22 giờ còn được gọi là:

- A. 10 giờ sáng B. 5 giờ chiều C. 9 giờ tối D. 10 giờ tối

Phương pháp

Dựa vào kiến thức về ngày – giờ để trả lời câu hỏi.

Lời giải

22 giờ còn được gọi là: 10 giờ tối

Chọn D

Câu 6. Hai số có tổng bằng 50, biết số bé là 19. Số lớn là:

- A. 50 B. 19 C. 21 D. 31

Phương pháp

Số lớn = tổng – số bé

Lời giải

Số lớn là: $50 - 19 = 31$

Chọn D

Câu 7. Tham dự lễ phát động “Tết nhân ái”, lớp 2A ủng hộ 27 chiếc bánh chưng, lớp 2B ủng hộ 35 chiếc bánh chưng. Hỏi cả hai lớp ủng hộ tất cả bao nhiêu chiếc bánh chưng?

- A. 62 chiếc B. 52 chiếc C. 8 chiếc D. 53 chiếc

Phương pháp

Số chiếc bánh hai lớp ủng hộ = Số bánh lớp 2A ủng hộ + số bánh lớp 2B ủng hộ

Lời giải

Cả hai lớp ủng hộ tất cả số chiếc bánh chưng là:

$$27 + 35 = 62 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 62 chiếc

Chọn A

Câu 8. Cô giáo chuẩn bị 7 chục món quà cho học sinh. Đến tiết sinh hoạt lớp cô phát quà cho cả lớp, mỗi bạn một món quà. Biết sĩ số lớp học là 45 bạn. Hỏi cô giáo còn lại bao nhiêu món quà?

- A. 70 món quà B. 45 món quà C. 25 món quà D. 35 món quà

Phương pháp

Số món quà còn lại = Số món quà chuẩn bị - Sĩ số lớp học

Lời giải

Cô giáo còn lại số món quà là: $70 - 45 = 25$ (món quà)

Chọn C**II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$$12 + 48$$

$$70 - 24$$

$$53 + 15$$

$$74 - 40$$

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau
- Cộng hoặc trừ các chữ số thẳng cột lần lượt từ phải sang trái.

Lời giải

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 48 \\ \hline 60 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 70 \\ - 24 \\ \hline 46 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 53 \\ + 15 \\ \hline 68 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 74 \\ - 40 \\ \hline 34 \end{array}$$

Câu 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

$42 - 13 \dots\dots 30$

$54 - 17 \dots\dots 56 - 18$

$70 - 25 \dots\dots 45$

$18 + 12 \dots\dots 40$

Phương pháp

Tính kết quả các phép tính, so sánh hai vế rồi điền dấu thích hợp

Lời giải

$$\underbrace{42 - 13}_{29} < 30$$

$$\underbrace{54 - 17}_{37} < \underbrace{56 - 18}_{38}$$

$$\underbrace{70 - 25}_{45} \dots\dots 45$$

$$\underbrace{18 + 12}_{30} < 40$$

Câu 3. Một đội đồng diễn thể dục thể thao gồm 57 người mặc áo đỏ và 2 chục người mặc áo vàng.

Hỏi số người mặc áo đỏ hơn số người mặc áo vàng bao nhiêu người?

Phương pháp

Tìm hiệu giữa số người mặc áo đỏ và số người mặc áo vàng

Lời giải

Số người mặc áo đỏ hơn số người mặc áo vàng số người là:

$$57 - 20 = 37 \text{ (người)}$$

Đáp số: 37 người

Câu 4. Số thích hợp điền vào dấu ? là:

$$\begin{array}{l} \text{🐱} + \text{🐱} = 10 \\ \text{🦉} + \text{🐱} = 9 \\ \text{🦉} + \text{🦆} = 6 \\ \text{🦆} + \text{🐱} = ? \end{array}$$

Phương pháp

Xác định số mà mỗi con vật che từ đó xác định số điền vào dấu ?

Lời giải

Chú chuột che số 5

Chim cú che số 4

Chú vịt che số 2

Vậy số thích hợp điền vào dấu ? là $2 + 5 = 7$